

TS. NGUYEN XUÂN LẠC (Chủ biên) - VŨ KIM BẢNG

Kiến thức cơ bản và bài tập

Ngữ Văn

12

(Toàn tập)

TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM

TT-TV * ĐHQGHN

807
KIE
2008

LC/02132

Hà Nội

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. NGUYỄN XUÂN LẠC (Chủ biên) - VŨ KIM BẢNG

KIẾN THỨC CƠ BẢN VÀ BÀI TẬP
NGŨ VĂN 12
TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM

(Toàn tập)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 12 thân mến,

Năm học 2008 - 2009 các em được học môn Ngữ văn lớp 12 theo sách giáo khoa mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Phương pháp học tập Ngữ văn mới lại rất coi trọng luyện tập thực hành – vừa để củng cố kiến thức vừa rèn luyện kỹ năng Ngữ văn. Đó là lí do chúng tôi biên soạn cuốn sách **Kiến thức cơ bản và bài tập Ngữ văn 12** (toàn tập) giúp các em có thể chủ động học tốt môn Ngữ văn ở lớp 12.

Cuốn sách gồm hai phần *Kiến thức cơ bản* và *Bài tập* có liên quan với nhau: *kiến thức cơ bản* là cơ sở để giải *bài tập*, và đến lượt mình, *bài tập* lại củng cố *kiến thức* ở mức sâu hơn. Trọng tâm cuốn sách là phần *bài tập*, với cấu trúc như sau:

PHẦN I: KIẾN THỨC CƠ BẢN (tóm tắt)

- Văn học và lí luận văn học
- Tiếng Việt
- Làm văn

PHẦN II: BÀI TẬP THỰC HÀNH

- A. Bài tập trắc nghiệm: Văn, Tiếng Việt, Làm văn (có đáp án)
- B. Bài tập tự luận: Văn, Tiếng Việt, Làm văn (mỗi đơn vị bài tập gồm 3 phần: đề, hướng dẫn thực hiện, gợi ý làm bài).
- C. Một số bài văn tham khảo.
- D. Giới thiệu đề kiểm tra tổng hợp cuối năm.

Hi vọng cuốn sách sẽ giúp ích thiết thực cho các em trong việc học tập môn Ngữ văn ở lớp 12.

Hà Nội ngày 01 tháng 7 năm 2008

T/M Nhóm biên soạn

Chủ biên

TS. Nguyễn Xuân Lạc

KIẾN THỨC CƠ BẢN

VĂN HỌC VÀ LÝ LUẬN VĂN HỌC

Chương trình văn học lớp 12 gồm ba phần:

- Văn học Việt Nam
- Văn học nước ngoài
- Lí luận văn học

Văn học Việt Nam thuộc thời kì văn học từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX là nền văn học của chế độ mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, gồm bài Khái quát và một số tác phẩm tiêu biểu về các thể loại thơ, truyện, kí, kịch, nghị luận, với hai tác giả được học kĩ là Hồ Chí Minh và Tố Hữu.

Văn học nước ngoài gồm những tác phẩm tiêu biểu cho tinh hoa văn học nhân loại như *Thuốc* (Lỗ Tấn), *Số phận con người* (Sô-lô-khốp), *Ông già và biển cả* (Hê-minh-uê), *Tự do* (E-luy-a), *Đốt-xtôi-ép-xki* (Xvai-gơ).

Lí luận văn học gồm quá trình văn học và phong cách văn học; giá trị văn học và tiếp nhận văn học.

Dưới đây là những trọng tâm kiến thức cần nắm vững của từng bài trong từng phần.



• VĂN HỌC VIỆT NAM

I. Bài khái quát

Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại đã mở ra trên đất nước ta một kỉ nguyên mới. Từ đây, một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội được khai sinh. Cho đến nay, nền văn học mới đã phát triển qua hai giai đoạn:

- Từ 1945 đến 1975 là giai đoạn văn học của 30 năm kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

- Từ 1975 đến hết thế kỉ XX, nhất là từ 1986, cùng với đất nước, văn học bước vào thời kì đổi mới.

Trọng tâm kiến thức: Ba đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975

1. *Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.*

- Vận động theo hướng cách mạng hoá: nền văn học mới sớm được kiến tạo theo mô hình "Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận" (Hồ Chí Minh) cùng với kiểu

là văn mới: nhà văn - chiến sĩ. Ý thức, trách nhiệm công dân của người nghệ sĩ trở nên cao, tình cảm của họ gắn bó với dân tộc, với nhân dân và đất nước. Và chính hiện thực đời sống cách mạng và kháng chiến đã đem đến nguồn cảm hứng mới, những phẩm chất mới cho văn học.

- Gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước: văn học tập trung vào hai đề tài chính: Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Như vậy, có thể coi văn học như một tấm gương phản chiếu những vấn đề lớn lao, trọng đại nhất của đất nước và cách mạng từ năm 1945 đến năm 1975.

2. Nền văn học hướng về đại chúng

Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ, vừa là nguồn cung cấp, bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học. Nền văn học hướng về đại chúng được thể hiện ở những điểm sau đây:

- Sự thay đổi trong cách nhìn nhân dân và quan điểm mới về đất nước của các nhà văn: đất nước của nhân dân và nhân dân là những người xây dựng, gìn giữ, bảo vệ đất nước.

- Văn học quan tâm tới đời sống của nhân dân lao động.

- Đó là một nền văn học có tính nhân dân sâu sắc và nội dung nhân đạo mới.

- Văn học hướng về đại chúng bằng hình thức nghệ thuật phù hợp.

3. Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt kéo dài suốt 30 năm, vấn đề dân tộc nổi lên hàng đầu, văn học không thể là tiếng nói riêng của mỗi cá nhân mà tất yếu phải đề cập tới số phận chung của cả cộng đồng, của toàn dân tộc.

- Văn học mang đậm chất sử thi, tập trung phản ánh những vấn đề cơ bản nhất, ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, độc lập tự do hay nô lệ; đề cập đến những vấn đề, những sự kiện có ý nghĩa lịch sử, có tính chất toàn dân.

- Khuynh hướng sử thi đòi hỏi người cầm bút nhìn con người và cuộc đời không chỉ bằng con mắt của cá nhân mình mà chủ yếu là bằng con mắt có tầm bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại. ("*Ta đứng đây, mắt nhìn bốn hướng - Trông lại nghìn ta, trông tới mai sau - Trông Bắc, trông Nam, trông cả địa cầu!*" - Tố Hữu).

- Khuynh hướng sử thi thường gắn liền với cảm hứng lãng mạn làm cho văn học giai đoạn này thấm nhuần tinh thần lạc quan. Cảm hứng lãng mạn chủ yếu được thể hiện trong việc khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới và vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

1. Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh là một trong hai tác giả được học ở lớp 12 theo cấp độ tác giả. Từ tác giả này, có thể soi sáng nhiều vấn đề cơ bản về văn học nghệ thuật như quan điểm sáng tác, cách viết, phong cách nghệ thuật,... Đây là tác giả có vị trí quan trọng trong nền văn học hiện đại nước ta, đặc biệt từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

1. VAI NÉT VỀ TIỂU SỬ

Về tác giả Hồ Chí Minh, cần chú ý mấy điểm sau đây:

- Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước và cách mạng vĩ đại của dân tộc, đồng thời là một nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế.

- Người còn là một nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc với một sự nghiệp văn học phong phú và có giá trị về nhiều mặt.

- Năm 1990, nhân dịp kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hiệp quốc (UNESCO) đã ghi nhận và suy tôn Người là Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá.

2. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

2.1. Quan điểm sáng tác

Hồ Chí Minh là người am hiểu sâu sắc quy luật và đặc trưng của hoạt động văn nghệ, từ phương diện nội dung tư tưởng đến hình thức nghệ thuật. Điều đó được thể hiện trực tiếp trong hệ thống quan điểm văn học nghệ thuật của Người.

a) Hồ Chí Minh coi văn nghệ là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận. Quan điểm đó được Người nói rõ trong bài *Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"*:

*Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

và khẳng định trong *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951*: "Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

b) Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn chương; coi tính chân thật như một thước đo giá trị của văn chương nghệ thuật. Người căn dặn nhà văn phải "Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn" hiện thực phong phú của đời sống, và phải "giữ tình cảm chân thật"; "Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc" và phải có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Người còn đề cao sự sáng tạo của nghệ sĩ, và nhắc nhở "chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo...".

c) Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. Người luôn tự đặt câu hỏi: "*Viết cho ai?*" (đối tượng viết), "*Viết để làm gì?*" (mục đích viết); sau đó mới quyết định "*Viết cái gì?*" (nội dung) và "*Viết thế nào?*" (hình thức). Và tùy từng trường hợp cụ thể, Người đã vận dụng phương châm đó theo những cách khác nhau. Vì thế những tác phẩm của Người chẳng những có tư tưởng sâu sắc, nội dung thiết thực mà còn có hình thức nghệ thuật sinh động, đa dạng.

Đó là ba điểm cốt lõi trong quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh. Người tự đề ra cho mình quan điểm sáng tác đó và Người đã tuân thủ đúng theo những điều đã đề ra. Toàn bộ sự nghiệp văn học lớn lao mà Người để lại cho dân tộc chính là những minh chứng hùng hồn và đẹp đẽ cho quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Người.

2.2. Di sản văn học

Văn chương không phải là sự nghiệp chính của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bên cạnh sự nghiệp cách mạng vĩ đại, Người còn để lại một di sản văn học lớn lao về âm vóc tư tưởng, phong phú về thể loại và đặc sắc về phong cách nghệ thuật.

a) Văn chính luận

Do yêu cầu cách mạng, phần lớn những bài viết của Hồ Chí Minh thuộc loại văn chính luận, nhằm mục đích đấu tranh chính trị, tiến công trực diện kẻ thù hoặc thể hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua những chặng đường lịch sử. Văn chính luận của Người, dù viết bằng tiếng Pháp hay tiếng Việt, viết khi đang hoạt động cách mạng ở nước ngoài hay khi đã về nước lãnh đạo phong trào cách mạng, đều mang tính chiến đấu mạnh mẽ và có tác dụng to lớn. Bởi Người đã nắm đúng lối tuồng để viết: với kẻ thù thì châm biếm, đả kích sắc sảo, giàu chất trí tuệ, tiêu biểu là *Bản án chế độ thực dân Pháp* viết bằng tiếng Pháp, xuất bản lần đầu ở Pa-ri năm 1925; với nhân dân thì phổ cập, đại chúng, ngắn gọn, dễ hiểu. Văn chính luận của Người kết hợp chặt chẽ giữa nội dung tư tưởng lớn lao với nghệ thuật nghị luận già dặn, giữa lí trí sáng suốt và tình cảm nồng nàn, giữa người viết và người đọc, đi thẳng vào lòng quần chúng nhân dân để dấy lên sức mạnh của hành động cách mạng. Có thể nói Hồ Chí Minh là một cây bút chính luận mẫu mực trong văn chính luận hiện đại nước ta với những tác phẩm đã đi vào lịch sử dân tộc như *Tuyên ngôn Độc lập* (1945), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946), *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* (1966).

b) Truyện và kí

Hồ Chí Minh còn là một cây bút văn xuôi đầy tài năng với những tác phẩm truyện và kí đặc sắc viết bằng tiếng Pháp khi Người hoạt động cách mạng ở Pháp trong những năm 20 của thế kỉ XX. Những truyện này đăng báo ở Pa-ri, sau này được tập hợp lại trong tập *Truyện và kí* của Nguyễn Ái Quốc: *Pa-ri* (1922), *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (1922), *Con người hiệt mùi hun khói* (1922), *Đồng tâm nhất trí* (1922), *Vi hành* (1923), *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (1925), v.v... Các tác phẩm này đều nhằm tố cáo tội ác dã man, bản chất tàn bạo và xảo trá của bọn thực dân và phong kiến tay sai đối với nhân dân lao động các nước thuộc địa, đồng thời đề cao những tấm gương yêu nước và cách mạng. Bằng một bút pháp rất hiện đại, Nguyễn Ái Quốc đã tạo nên được những tình huống truyện độc đáo, hình tượng góc cạnh, sinh động, sắc sảo, với nghệ thuật trần thuật linh hoạt. *Truyện và kí* đã đem đến cho văn học dân tộc một vẻ đẹp riêng độc đáo của Nguyễn Ái Quốc.

c) Thơ ca

Thơ ca thể hiện rõ nhất tâm hồn nghệ sĩ của nhà thơ Hồ Chí Minh. Do yêu cầu cách mạng, Người có viết một số *thơ ca tuyên truyền* hồi tiền khởi nghĩa, nội dung phổ cập, dễ hiểu nhưng trong đó vẫn có những bài có tính nghệ thuật cao như *Ca ngợi chi, Con cáo và tổ ong, Nhóm lửa,...* Thơ nghệ thuật của Người nói lên tâm hồn nh tế, nhạy cảm và nhân cách cao đẹp tuyệt vời của Bác trước thiên nhiên, con người và cuộc sống. *Nhật kí trong tù* là tập thơ chữ Hán nổi tiếng của Hồ Chí Minh và đó chính là bức chân dung tự họa của Người trong những ngày bị giam cầm đau

khổ và khắc nghiệt nhất. Đọc *Nhật kí trong tù*, Đặng Thai Mai "thực sự cảm thấy đứng trước một thi sĩ và một con người cao cả vĩ đại"; còn nhà văn Viên Ưng (Trung Quốc) thì khẳng định đã tìm thấy ở tập thơ "một tâm hồn vĩ đại của bậc đại trí, đại nhân, đại dũng". Thơ kháng chiến của Bác được tập hợp lại trong hai tập: *Thơ Hồ Chí Minh* (1967) và *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh* (1990), vừa có màu sắc cổ điển, vừa hiện đại, nổi bật lên hình ảnh nhân vật trữ tình mang nặng "nỗi nước nhà" mà phong độ vẫn ung dung, tâm hồn luôn hoà hợp với thiên nhiên, thể hiện bản lĩnh của một nhà cách mạng vĩ đại luôn luôn làm chủ tình thế, tin vào tương lai tất thắng của cách mạng, tuy trước mắt còn biết bao gian nan, thử thách.

2.3. Phong cách nghệ thuật

Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh độc đáo, đa dạng mà thống nhất. Nhìn chung, ở mỗi thể loại văn học, từ văn chính luận, truyện kí đến thơ ca, Hồ Chí Minh đều tạo được những nét phong cách riêng, độc đáo và hấp dẫn. Ví như: văn chính luận của Người thường ngắn gọn, súc tích, vừa có lí lại có tình, đi thẳng vào lòng người, đầy sức thuyết phục; truyện và kí lại rất hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén; còn thơ nghệ thuật thì có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giữa chất tình và chất "thép", giữa trong sáng, giản dị và hàm súc, thâm trầm, sâu xa (trong khi thơ tuyên truyền cách mạng thường được viết bằng hình thức bài ca, lời lẽ giản dị, mộc mạc, dễ nhớ, mang màu sắc dân gian hiện đại);...

Tuy ở từng thể loại, phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh có những nét riêng hết sức phong phú, đa dạng nhưng vẫn thống nhất ở một phong cách chung của Người. Đó là cách viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị, sử dụng linh hoạt các thủ pháp và bút pháp nghệ thuật khác nhau nhằm thể hiện một cách nhuần nhị và sâu sắc nhất tư tưởng của người cầm bút.

3. KẾT LUẬN

Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô giá, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Văn thơ của Người không chỉ có tác dụng to lớn đối với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam mà còn có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử văn học và đời sống tinh thần của dân tộc. Tìm hiểu văn thơ của Hồ Chí Minh, Người đọc thuộc nhiều thế hệ được trực tiếp soi vào thế giới tâm hồn rộng lớn của Người và có thể tìm thấy ở đây những bài học cao quý.

III. Tố Hữu

Ông là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của thơ ca Việt Nam hiện đại mà đường đời, đường thơ luôn song hành cùng con đường cách mạng của cả dân tộc với một phong cách thơ độc đáo.

1. Những nét lớn trong cuộc đời Tố Hữu

- Vào tuổi thanh niên, tham gia phong trào cách mạng và trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế; năm 1938 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Tháng 4 - 1939 đến tháng 3 - 1945 bị thực dân Pháp bắt giam qua nhiều nhà tù ở miền Trung và Tây Nguyên.

- Tháng 3 - 1942 vượt ngục, tìm ra Thanh Hoá, tiếp tục hoạt động cách mạng.
- Cách mạng tháng Tám năm 1942 là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa ở Huế.
- Kháng chiến toàn quốc ra Việt Bắc công tác ở cơ quan Trung ương Đảng, đặc trách về văn hoá văn nghệ.
- Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ cho đến năm 1986 liên tục giữ những cương vị trọng yếu trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (từng là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng). Năm 1996, được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

2. Những chặng đường thơ của Tố Hữu

- Những chặng đường thơ của Tố Hữu gắn bó mật thiết với những chặng đường cách mạng của bản thân nhà thơ, với những giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam. Có thể nói đường đời, đường thơ của Tố Hữu luôn song hành cùng con đường cách mạng của cả dân tộc, phục vụ có hiệu quả cho cuộc cách mạng đó.
- Mỗi quan hệ khăng khít, gắn bó được thể hiện qua các chặng đường thơ của Tố Hữu
 - + 1937 - 1946: Cách mạng giải phóng dân tộc: tập thơ *Từ ấy*.
 - + 1946 - 1954: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: tập thơ *Việt Bắc*.
 - + 1955 - 1961: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước: tập thơ *Gió lộng*.
 - + 1962 - 1975: Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ và ngày toàn thắng, thống nhất đất nước: tập thơ *Ra trận* (1962 - 1971), tập thơ *Máu và Hoa* (1972 - 1977).
 - + Từ 1986 trở đi: Đất nước bước vào công cuộc đổi mới: các tập thơ: *Một tiếng đờn* (1992) và *Ta với ta* (1999).

3. Thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị

- Nội dung thơ Tố Hữu hướng tới cái ta chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng, của cả dân tộc. Ngay từ đầu, cái tôi trữ tình trong thơ Tố Hữu đã là cái tôi chiến sĩ, càng về sau càng xác định rõ là cái tôi nhân danh Đảng, nhân danh cộng đồng dân tộc.
- Thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi, coi những sự kiện chính trị lớn của đất nước là đối tượng thể hiện chủ yếu, luôn đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính chất toàn dân.
- Cảm hứng chủ đạo trong thơ Tố Hữu là cảm hứng lịch sử - dân tộc, chứ không phải cảm hứng thế sự - đời tư; nổi bật trong thơ Tố Hữu là vấn đề vận mệnh cộng đồng, chứ không phải vấn đề số phận cá nhân.
- Những vấn đề chính trị lớn lao đó đã được Tố Hữu thể hiện qua giọng thơ tâm tình, đầm ấm, chân thành, mà Xuân Diệu gọi là "thơ rất đời trữ tình".

4. Tính dân tộc đậm đà trong hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu

Được biểu hiện ở các mặt chủ yếu như:

- + Thể thơ dân tộc: lục bát, thất ngôn,...
- + Hình ảnh, ngôn ngữ dân tộc, cách phô diễn dân tộc.
- + Nhịp điệu và nhạc điệu dân tộc.

V. Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh)

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do trên đất nước ta; đồng thời là một tác phẩm chính luận đặc sắc, một áng văn tâm huyết xúc động lòng người. Đó là áng "thiên cổ hùng văn" của thời đại cách mạng vô sản do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc trước quốc dân đồng bào ngày 2-9-1945 khai sinh ra nước Việt Nam mới.

1. Trước hết cần phải thấy đặc điểm thể loại của *Tuyên ngôn Độc lập*. Đây là tác phẩm chính luận mẫu mực. Bởi vậy, nó thuyết phục người đọc bằng những lí lẽ danh giá, những chứng cứ không ai có thể chối cãi được và hệ thống lập luận chặt chẽ.

2. Thấy rõ đối tượng và mục đích mà bản *Tuyên ngôn Độc lập* hướng tới. Để hiểu điều này cần nắm chắc tình hình đất nước ta vào thời điểm mùa thu năm 1945. Ở miền Nam, thực dân Pháp được sự giúp sức của quân đội Anh (thay mặt phe Đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai vào giải giáp quân đội Nhật bại trận) đang tiến vào Đông Dương. Ở miền Bắc, bọn Tàu Tưởng, tay sai của đế quốc Mĩ, cũng đang ngấp nghé ngoài biên giới. Hồ Chủ tịch biết rõ hơn ai hết, do mâu thuẫn giữa Anh, Mĩ, Pháp với Liên Xô; Anh, Mĩ có nhiều khả năng sẽ nhân nhượng cho Pháp trở lại Đông Dương. Để chuẩn bị cho cuộc xâm lược này, Pháp đã tung ra luận điệu: Đông Dương vốn là thuộc địa của Pháp, Pháp có "công lao" khai phá đất nước này. Bởi thế, khi phát xít Nhật đã bị Đồng minh đánh bại, việc Pháp trở lại Đông Dương như một lẽ đương nhiên.

Như vậy, đối tượng mà bản *Tuyên ngôn Độc lập* hướng tới không những là đồng bào cả nước, mà còn là nhân dân thế giới - trước hết là bọn đế quốc, thực dân Mĩ, Anh, Pháp. Cần thấy bản *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam, mà còn bao hàm cuộc *tranh luận ngầm* nhằm vạch trần luận điệu xảo quyệt của kẻ địch trước dư luận quốc tế.

3. Thấy được hệ thống lập luận hết sức chặt chẽ, danh thép của bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

Nêu tiền đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng tạo nên sức thuyết phục của bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Tiền đề sáng ngời "không ai chối cãi được" của văn kiện này được trích ở hai bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mĩ (1776) và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp (1791). Việc trích dẫn ấy có nhiều ý nghĩa sâu sắc. Trước hết, những câu trích dẫn thực chất là những chân lí bất hủ của mọi dân tộc, chứ không phải chỉ là của riêng hai dân tộc Mĩ và Pháp. Hơn nữa, trong tranh luận, để bác bỏ luận điệu của đối phương còn gì đích đáng hơn là dùng chính lời lẽ của họ? Đây chính là cách tranh luận hiệu quả theo lối "lấy gậy ông đập lưng ông". Ngoài ra, mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam mà nhắc đến hai bản tuyên ngôn nổi tiếng trong lịch sử nhân loại, thì cũng có nghĩa là đặt ba bản tuyên ngôn, ba nền độc lập, ba dân tộc ngang hàng nhau. Điều này là hoàn toàn có cơ sở từ nhiệm vụ của cuộc cách mạng Việt Nam. Bên cạnh đó, bản *Tuyên ngôn Độc lập* dường như còn muốn gợi lên một cách kín đáo niềm tự hào giống như niềm tự hào của Nguyễn Trãi xưa mở đầu áng tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc - bài *Cáo bình Ngô*, bằng hai vế cân xứng, đặt ngang hàng các triều đại Đinh, Lí, Trần của Đại Việt với Hán, Đường, Tống, Nguyên của Trung Hoa.